

SỐ: 142 / 2018/ QĐST-HNGĐ

Nho Quan, Ngày 28 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 199/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đinh Thị T**, sinh năm 1986.

Trú tại: SN 6 ngõ 32, đường ĐG, phường B, thành phố T, tỉnh NB.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh Bằng**, sinh năm 1987.

Trú tại: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh NB.

Căn cứ vào: Các Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83, 110, 106 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số: 326/UBTVQH14, về án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Đinh Thị T** và anh **Nguyễn Thanh B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Nay chị T anh B thống nhất thỏa thuận chị T tiếp tục con chung là **Nguyễn Thảo N**, sinh 20/12/2013, anh B phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*** Về tài sản chung, về công nợ chung, ruộng đất canh tác:** Chị T, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí sơ thẩm ly hôn:** Chị Trang nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng . Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền án phí số: AA/2013/0000919 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay được chuyển sang án phí ly hôn. Hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị T.

Về án phí cấp dưỡng: Anh B phải nộp 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh B không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thoả thuận, thì hàng tháng anh B còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền cũn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB.
- VKSND huyện NQ.
- THADS huyện NQ.
- Dương sự để thi hành.
- Lưu HS./.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Hiệp